TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B V – TP, HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **35** /2024/HS-ST
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B V – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Thu Hường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đại Huy; Ông Lê Văn Hoan

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Minh Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B V, thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B V tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Thái Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2024. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2024/TLST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2024. Theo quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2024 đối với:

+ ***Bị cáo***: Phạm Ngọc A, sinh năm 1984. Tên gọi khác: Không. Nơi đăng ký HKTT: Đội 1, xã T Th O, huyện Th Tr, Hà Nội. Nơi ở: Thôn 5, xã Th M, huyện B V, Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ văn hoá: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Phạm Ngọc H, sinh năm 1960 và bà Nghiêm Thị M, sinh năm 1963. Chồng là Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1960. Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự : Không. Nhân thân: Ngày 30/11/2023 TAND huyện B V xử 18 tháng tù về tội: Mội giới mại dâm. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/12/2023. Hiện đang tạm tạm giam tại Trại tạm giam số I Công an thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa

+ ***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn 5, xã Th M, huyện B V, Hà Nội

A Nguyễn Đình Th, sinh năm 1980

Địa chỉ: (Đội 3) Thôn V L, xã Th Ph, huyện Th T, Hà Nội

A Đoàn Mạnh T, sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn B Kh, xã L Kh, huyện Kh Ch, tỉnh H Y

Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1986

Địa chỉ: Khu 9, xã Đ L, huyện C Kh, tỉnh Ph Th

Chị Phùng Thị Y, sinh năm 1985

Địa chỉ: Xóm 2 K L (Khu Ch), xã Đ Q, huyện Th S, Ph Th

(Ông Đ có mặt, A Thắng, A Tiến, chị D, chị Y vắng mặt tại phiên toà)

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 24/12/2023, khi Ngọc A đang ở cơ sở tắm khoáng nóng của gia đình thì có Nguyễn Đình Th (SN 1980, trú tại: Th Ph – Th T – Hà Nội) và Đoàn Mạnh T (SN 1970, trú tại: L Kh – Kh Ch – H Y) đến. Tại đây, T và Kh đã đặt vấn để muốn mua dâm. Ngọc A đồng ý và hai bên thỏa thuận giá tiền là 250.000 đồng/1 lượt/người, sau khi mua bán dâm xong mới phải thA toán. Lúc đó tại cơ sở tắm khoáng nóng của Ngọc A đang có Nguyễn Thị D (SN 1986; trú tại: Đ D – C Kh – Ph Th) đang ở Phòng 102 và Phùng Thị Y (SN 1985; trú tại: Đ Q - Th S – Ph Th) đang ở phòng 203. Ngọc A đã đưa Th đến phòng 102 để mua dâm với D và chỉ T đến phòng 203 để mua dâm với Y. Đến khoảng 11 giờ 20 cùng ngày thì Công an thành Phố Hà Nội phối hợp với Công an huyện B V phát hiện, bắt quả tang khi các đối tượng đang có hành vi mua bán dâm.

Tại cơ quan CSĐT Công an huyện B V, Nguyễn Thị D và Phùng Thị Y khai:

D và Y thỏa thuận với Ngọc A làm công việc dọn dẹp các phòng tắm và khi nào khách có nhu cầu mua dâm thì Y và D sẽ bán dâm tại cơ sở tắm khoáng nóng của Ngọc A. Ngọc A sẽ trả cho D và Y số tiền 150.000 đồng/lượt. Ngày 24/12/2023 khi cả hai đang bán dâm cho khách thì bị Công an phát hiện bắt quả tang nên chưa được nhận tiền của khách.

Cơ quan CSĐT Công an huyện B V đã ra Quyết Định xử lý hành chính đối với Nguyễn Thị D và Phùng Thị Y với hình thức là cảnh cáo.

Đối với Nguyễn Đình Th và Đoàn Mạnh T. Tại cơ quan điều tra, Th và T khai nhận đến cơ sở tắm khoáng nóng của Ngọc A với mục đích để mua dâm. Khi đang mua bán dâm với D và Y thì bị bắt quả tang.

Cơ quan CSĐT Công an huyện B V đã ra Quyết Định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với Thắng và Tiến (số tiền 1.500.000 đồng/người).

Vật chứng vụ án:

- Số tiền 500.000 đồng (trong đó: 250.000 đồng thu giữ của Nguyễn Đình Th và 250.000 đồng thu giữ của Đoàn Mạnh T). Đây là số tiền Th và T dùng để mua dâm.

- 02 (hai) bao cao su đã qua sử dụng (trong đó 01 bao cao su thu giữ tại phòng 102 và 01 bao cao su thu giữ tại phòng 203)

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu trắng, thu giữ của Phạm Ngọc A.

Chuyển các vật chứng trên đến Chi cục thi hành án dân sự huyện B V để giải quyết theo quy Đ của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số: 17/CT-VKS ngày 12/3/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện B V truy tố các bị cáo Phạm Ngọc A về tội "*Chứa mại dâm*" theo quy Đ tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Phạm Ngọc A thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, bị cáo nhận thức hành vi chứa mại dâm cho 02 đôi nam nữ tại nơi kinh doanh dịch vụ tắm khoáng nóng của gia đình tại thôn 5, xã Th M bị Viện kiểm sát nhân dân huyện B V truy tố theo khoản 1 Điều 327 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng tội, không oan sai. Bị cáo ăn năn và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B V, thành phố Hà Nội giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 327; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 . Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc A từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Tổng hợp hình phạt của bản án số 126/2023/HSST ngày 30/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện B V xử 18 tháng tù, bị cáo Phạm Ngọc A phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 33 tháng đến 36 tháng tù. Về vật chứng: Trả cho bị cáo Phạm Ngọc A 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus mầu trắng. Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 500.000đ thu giữ của Nguyễn Đình Th, Đoàn Mạnh T; Tịch thu tiêu hủy 02 bao cao su đã qua sử dụng. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy Đ pháp luật.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trA tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Đ như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Xét về hành vi vi phạm của bị cáo bị truy tố: Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại CQĐT, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, và các tài liệu chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở để khẳng định: Vào hồi 11 giờ 20, ngày 24/12/2023 Phạm Ngọc A đang có hành vi bố trí, sắp xếp cho hai gái bán dâm để bán dâm cho hai nam giới tại phòng 102 và 203 cơ sở tắm khoáng nóng của gia đình Phạm Ngọc A tại thôn 5, xã Thuần Mỹ, huyện B V, Hà Nội thì bị phát hiện, bắt quả tang. Hành vi của Phạm Ngọc A đã phạm tội *"Chứa mại dâm"*, tội dA và hình phạt được quy Đ theo khoản 1 Điều 327 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung 2017. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện B V truy tố bị cáo Phạm Ngọc A để xét xử là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội. Vụ án không có đồng phạm, cơ sở tắm khoáng nóng được gia đình bị cáo đầu tư xây dựng để phát triển kinh tế gia đình chỉ do một mình bị cáo kinh doA. Do vậy cần phải xử phạt bị cáo với mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi các bị cáo đã thực hiện để giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

Về nhân thân: Ngày 30/11/2023, bị cáo đã bị TAND huyện B V xử 18 tháng tù về tội: Môi giới mại dâm. Khi bản án chưa có hiệu lực thi hành thì ngày 24/12/2023, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội chứa mại dâm. Mặc dù hành vi phạm tội lần này không có tình tiết tăng nặng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chồng bị cáo được nhà nước thưởng Huân chương kháng chiến vẻ vang, Kỷ niệm chương. Do vậy, HĐXX xét bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Xét toàn diện các yếu tố hành vi, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo không tu dưỡng bản thân, đã thực hiện hành vi xâm phạm đến trật tự quản lý công cộng, ảnh hưởng tới đạo đức, thuần phong mỹ tục, lối sống văn minh, lành mạnh. Do vậy, cần phải áp dụng hình phạt tù theo quy định tại Điều 38 BLHS, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại trại giam trong một thời gian

nhất định để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Bản án số 126/2023/HSST ngày 30/11/2023 của TAND huyện B V đã có hiệu lực thi hành, do vậy cần áp dụng Điều 56 BLHS để tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án.

Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 327BLHS quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ, nhưng xét bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không có tài sản tích lũy, do vậy HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Đình Th, Đoàn Mạnh T đã thực hiện hành vi mua dâm. Công an huyện B V đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền. Anh Nguyễn Đình Th, anh Đoàn Mạnh T đã chấp hành xong. Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Phùng Thị Y, Nguyễn Thị D đã thực hiện hành vi bán dâm. Công an huyện B V đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt cảnh cáo. Việc xử phạt hành chính đối với Nguyễn Đình Th, Đoàn Mạnh T, Phùng Thị Y, Nguyễn Thị D của Công an huyện B V là đúng pháp luật, phù hợp với tính chất hành vi.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu Đ, có tài sản liên quan là nhà đất tại thôn 5, xã B Tr mà bị cáo Phạm Ngọc A sử dụng vào mục đích chứa mại dâm nhưng ông Nguyễn Hữu Đ không biết, không có lỗi. Do vậy, không xem xét trách nhiệm của ông Nguyễn Hữu Đ trong vụ án này.

[6] Về vật chứng vụ án: Cơ quan Điều tra thu giữ của Nguyễn Đình Th số tiền 250.000đ; Thu giữ của Đoàn Mạnh T số tiền 250.000đ. Quá trình điều tra xác định tiền Th và T dùng để mua dâm, do vậy cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Vật chứng là điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus, mầu trắng thu giữ của Phạm Ngọc A, quá trình điều tra xác định đây là điện thoại cá nhân của bị cáo Phạm Ngọc A không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo. Các vật chứng khác là 02 bao cao su đã qua sử dụng cần tiêu hủy.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT Đ:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 327; Các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106; Điều 136, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

+ Về tội dA: Tuyên bố bị cáo **Phạm Ngọc A** phạm tội **"Chứa mại dâm".**

+ Về hình phạt: Xử phạt Bị cáo **Phạm Ngọc A 15 (Mười lăm)** tháng tù. Tổng hợp hình phạt 18 tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 126/2023/HSST ngày 30/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện B V, buộc bị cáo Phạm Ngọc A phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **33 (Ba mươi ba)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/12/2023, được trừ thời gian tạm giữ 07 ngày từ ngày 20/9/2023 đến ngày 26/9/2023 theo bản án hình sự số 126/2023/HSST ngày 30/11/2023.

Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo Phạm Ngọc A.

+ Về vật chứng:

Trả cho bị cáo Phạm Ngọc A 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu hồng, đã cũ, đã qua sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy 02 bao cao su đã qua sử dụng.

(Như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 26/3/20234 giữa Công an huyện B V với Chi cục Thi hành án dân sự huyện B V, Hà Nội).

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 500.000đ thu giữ của Nguyễn Đình Th, Đoàn Mạnh T.

(*Theo như Giấy nộp tiền ngày 25/3/2024 của Agribank Chi nhánh huyện B V, H TI – Thông tin người nhận: Chi cục thi hành án dân sự huyện B V*

+ Về án phí: Bị cáo Phạm Ngọc A phải nộp 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

+ Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án đối với phần liên quan đền quyền nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án đối với phần liên quan đền quyền nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

"Trường hợp bản án, quyết dịnhd được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân

sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *TAND TP Hà Nội*
- *VKSND huyện*
- *Người tham gia tố tụng*
- *THA dân sự*
- *Lưu hồ sơ*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Thu Hường

Nơi nhận:
- *TAND TP Hà Nội*
- *VKSND huyện*
- *Người tham gia tố tụng*
- *THA dân sự*
- *Lưu hồ sơ*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Thu Hường